

Số: 13/2021/QĐST-HNGĐ

*Ba Đình, ngày 08 tháng 01 năm 2021*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ dân sự thụ lý số 638/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2020, giữa:

- **Nguyên đơn:**Chị Bùi Thị V H– sinh năm 1990.  
HKTT: tổ 3x, cụm 5, phường XL, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.  
Nơi ở: phòng 1xxx, tòa nhà 21T1 Hapulico số 83 Vũ Trọng Phụng
- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Đ D– sinh năm 1990;

ĐKKHKT và hiện trú tại: số 31 ngõ xx, phố NH, phường ĐC, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Căn cứ vào Điều 212, 213, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và tiểu mục 1.1 mục 1 phần II danh mục án phí;

Căn cứ vào các Điều 55, 81,82,83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 12 năm 2020;

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**I.Công nhận thuận tình ly hôn giữa:**

Chị Bùi Thị V H và anh Nguyễn Đ D

## II. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

### 1. Về con chung:

Chị Bùi Thị V H và anh Nguyễn Đ D có 01 con chung là cháu Nguyễn Đắc V A sinh ngày 28/03/2015 .

Anh chị cùng thỏa thuận giao cháu Nguyễn Đắc V A cho anh Nguyễn Đ D trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu Nguyễn Đắc V A đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Anh Nguyễn Đ D tự nguyện không yêu cầu chị Bùi Thị V H đóng cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung với chị Hòa.

Chị Hòa có quyền, nghĩa vụ thăm nom gặp gỡ con chung, không ai được cản trở.

### 2. Về tài sản chung và công nợ chung:

Chị Bùi Thị V H và anh Nguyễn Đ D đã thỏa thuận ( có vi bằng ghi nhận việc tự phân chia tài sản do Văn phòng thừa phát lại thủ đô ghi nhận, đã xuất trình cùng hồ sơ vụ kiện ), **đề nghị Tòa án công nhận** cụ thể như sau:

- Xác định tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của chị H và anh D có 02 căn hộ:

1. Căn hộ số: 3xxx, tại tầng 3x thuộc Tòa nhà S1.06 (Z34M.1) tại lô đất F1-CHxx có diện tích: 59,1<sup>2</sup> (*Năm mươi chín phẩy một mét vuông*), tại địa chỉ: phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội thuộc Dự án khu đô thị mới Tây Mỗ - Đại Mỗ - Vinhomes Park, theo Hợp đồng mua bán căn hộ số: S1.063018/VHSC/HĐMBCH giữa Công ty Cổ phần xây dựng T S và ông Nguyễn Đ D ngày 06/12/2019.

2. Căn hộ số: Ax – xx tại tầng xx, tòa A, vị trí số x thuộc nhà chung cư thuộc dự án Đầu tư xây dựng chung cư cao tầng và dịch vụ P Đ (MS Tower), có diện tích 62,7m<sup>2</sup> (*Sáu mươi hai phẩy bảy mét vuông*), tại địa chỉ: số xx Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, theo Hợp đồng mua bán căn hộ chung cư số A2 – 13/MS-MBCH/2014 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và xuất nhập khẩu MS với ông Nguyễn Đ D ngày 13/06/2014.

Cùng các khoản nợ và nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với các tài sản chung nêu trên (kể cả nghĩa vụ trả nợ đối với căn hộ số: 3xxx theo theo Hợp đồng thế chấp số TTC201970856130/HDTC ngày 27/12/2019 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (TECHCOMBANK) – chi nhánh Hai Bà Trưng với ông Nguyễn Đ D và bà Bùi Thị V H nêu trên) .

–Chị H và anh D phân chia như sau :

\*Giao cho anh D toàn quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt:

1. Căn hộ số: 3xx, tại tầng 30 thuộc Tòa nhà S1.06 (Z34M.1) tại lô đất F1-CH01 có diện tích: 59,1<sup>2</sup> (*Năm mươi chín phẩy một mét vuông*), tại địa chỉ: phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội thuộc Dự án khu đô thị mới Tây Mỗ - Đại Mỗ - Vinhomes Park, theo Hợp đồng mua bán căn hộ số: S1.063018/VHSC/HĐMBCH giữa Công ty Cổ phần xây dựng T S và ông Nguyễn Đ D ngày 06/12/2019.

2. Căn hộ số: Ax – xx tại tầng xx, tòa A, vị trí số x thuộc nhà chung cư thuộc dự án Đầu tư xây dựng chung cư cao tầng và dịch vụ P Đ (MS Tower), có diện tích 62,7m<sup>2</sup> (*Sáu mươi hai phẩy bảy mét vuông*), tại địa chỉ: số xx Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, theo Hợp đồng mua bán căn hộ chung cư số A2 – 13/MS-MBCH/2014 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và xuất nhập khẩu MS với ông Nguyễn Đ D ngày 13/06/2014.

Anh D có trách nhiệm trả toàn bộ các khoản nợ và nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với các tài sản chung nêu trên (kể cả nghĩa vụ trả nợ đối với căn hộ số: 3018 theo Hợp đồng thế chấp số TTC201970856130/HĐTC ngày 27/12/2019 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (TECHCOMBANK) – chi nhánh Hai Bà Trưng với ông Nguyễn Đ D và bà Bùi Thị V H nêu trên).

\* Chị H được nhận số tiền 800.000.000 VNĐ ( tám trăm triệu đồng) ngay sau khi thỏa thuận phân chia tài sản được ký kết.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Đ D tự nguyện nộp toàn bộ 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) anh D đã nộp theo biên lai số 0001024 ngày 27/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Anh Nguyễn Đ D đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

**III.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**IV.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND phường Đội cấn, quận Ba Đình ,TP Hà Nội
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Vũ Thị Nguyệt**